TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 301/2019/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 17 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Căn cứ điều 212 và điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 460/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Chị **Trần Thị B**, sinh năm 1974 và anh **Đoàn Chí V**, sinh năm 1976, cùng địa chỉ: Số 45, phố 4, ấp 3, xã Phú Vinh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị B và anh Đoàn Chí V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vinh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/12/1996. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con ngày 06/9/2019 chị B và anh V đã thỏa thuận như sau:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Đoàn Chí V cùng đồng ý thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Giao cháu Đoàn Thị Bách H sinh ngày 28/02/2008 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Riêng Đoàn Thị Thảo D sinh ngày 18/4/1997, Đoàn Thị Thảo H sinh ngày 09/9/2000 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên chị B, anh V không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí việc hôn nhân và gia đình: Chị B tự nguyện chịu.

Ngày 06/9/2019 chị B và anh V đã làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con như trên.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Đoàn Chí V cùng đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Đoàn Thị Bách H sinh ngày 28/02/2008 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Riêng Đoàn Thị Thảo D sinh ngày 18/4/1997, Đoàn Thị Thảo H sinh ngày 09/9/2000 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên chị B, anh V không yêu cầu giải quyết

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Viển không yêu cầu nên tạm thời miễn cho chị B nghĩa vụ trên.

Chị B có quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng: Chị B tự nguyện nộp. Số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ chị B đã nộp theo biên lai số 0002563 ngày 06/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được trừ vào lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu hôn nhân và gia đình. Chị B đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã Phú Vinh;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Văn Tuấn